

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

NGUYỄN HOÀNG ĐỨC

**ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, NGHIÊN CỨU CƠ SỞ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN PHỤC VỤ CHO VIỆC XÂY DỰNG
CHIẾN LƯỢC GIẢM THIỂU, TÁI SỬ DỤNG, TÁI CHẾ
CHẤT THẢI RẮN Ở VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

HÀ NỘI - 2008

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

NGUYỄN HOÀNG ĐỨC

**ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, NGHIÊN CỨU CƠ SỞ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN PHỤC VỤ CHO VIỆC XÂY DỰNG
CHIẾN LƯỢC GIẢM THIỂU, TÁI SỬ DỤNG, TÁI CHẾ
CHẤT THẢI RẮN Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Môi trường trong phát triển bền vững
(Chương trình đào tạo thí điểm)**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS. TS. TRƯƠNG MẠNH TIẾN**

HÀ NỘI - 2008

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG VIỆC GIẢM NHIỀU, TÁI SỬ DỤNG, TÁI CHẾ CHẤT THẢI.....	4
1.1. Cơ sở lý luận về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải.....	4
1.1.1. Khái niệm.....	4
1.1.2. Giới thiệu về Sáng kiến 3R.....	12
1.1.3. Các nội dung chính của 3R.....	15
1.1.4. Các giải pháp chiến lược để thực hiện 3R.....	20
1.2. Các biện pháp giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải.....	23
1.3. Kinh nghiệm quốc tế về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải và bài học rút ra cho Việt Nam.....	30
1.3.1. Một số nước phát triển.....	30
1.3.2. Một số nước đang phát triển.....	41
1.3.3. Một số nước trong khu vực.....	47
1.3.4. Bài học rút ra cho Việt Nam.....	53
1.4. Kết luận Chương 1	58
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN Ở VIỆT NAM	59
2.1. Tình hình phát sinh và quản lý chất thải rắn.....	59
2.2. Thực trạng, rào cản, cơ hội về giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải	64
2.2.1. Thực trạng.....	64
2.2.2. Rào cản.....	73
2.2.3. Cơ hội.....	76
2.3. Dự báo tình hình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt giai đoạn đến 2010.....	80
2.4. Cơ sở pháp lý cho việc xây dựng Chiến lược về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn.....	81

2.4.1. Luật Bảo vệ môi trường 2005 và Nghị định 80/2006/NĐ-CP.....	81
2.4.2. Chiến lược Bảo vệ môi trường đến 2010 và định hướng đến 2020....	83
2.4.3. Nghị quyết 41/NQ-TW.....	84
2.4.4. Nghị định 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn	84
2.5. Kết luận Chương 2	87
CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC VỀ GIẢM THIỂU, TÁI SỬ DỤNG, TÁI CHẾ CHẤT THẢI RẮN Ở VIỆT NAM.....	88
3.1. Đề xuất các lĩnh vực trọng tâm, định hướng ưu tiên	88
3.1.1. Chất thải rắn, lĩnh vực trọng tâm của 3R.....	88
3.1.2. Định hướng ưu tiên.....	89
3.2. Đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ 3R.....	90
3.2.1. áp dụng cơ chế thu phí chất thải hiệu quả để tạo áp lực thực hiện 3R	90
3.2.2. Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đối với 3R.....	91
3.3. Đề xuất mối liên hệ, liên kết trong các biện pháp 3R.....	96
3.4. Đề xuất xây dựng Chiến lược về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn (Dự thảo khung Chiến lược)	100
3.4.1. Phạm vi và thời gian.....	100
3.4.2. Mục tiêu.....	100
3.4.3. Quan điểm chỉ đạo.....	102
3.4.4. Các nội dung cơ bản	103
3.4.5. Các giải pháp thực hiện chiến lược.....	107
3.4.6. Tổ chức thực hiện.....	108
3.4.7. Các chương trình thực hiện Chiến lược.....	109
3.5. Kết luận Chương 3	109
KẾT LUẬN.....	110
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	112

MỞ ĐẦU

Để kiểm soát chất thải, nhiều nước trên thế giới đã và đang áp dụng các giải pháp giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải, hay còn gọi là 3R (reduce, reuse, recycle) cho riêng mình. Nước ta cũng đã tham gia tích cực vào các diễn đàn khu vực và thế giới về 3R với sự tham dự của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng như chuyên viên tại các hội nghị quốc tế.

Nhìn chung, hoạt động tái sử dụng và tái chế chất thải ở nước ta được thực hiện một cách tự phát, thiếu tổ chức một cách hệ thống, đồng bộ và hoàn chỉnh. Mặc dù các giải pháp 3R đã được nhắc đến trong các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, song chưa có những văn bản chính sách, pháp luật cụ thể.

Với mục đích nghiên cứu góp phần cho việc xây dựng Chiến lược về giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải mà ưu tiên trọng tâm là chất thải rắn, với sự hỗ trợ của nhóm Chuyên gia của Vụ Môi trường và Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường, tác giả đã thực hiện nghiên cứu “Điều tra, khảo sát, nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ cho việc xây dựng Chiến lược giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn ở Việt Nam”.

Luận văn bao gồm những nội dung chính như sau:

Chương 1. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế trong việc giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải.

Chương 2. Thực trạng và vấn đề quản lý chất thải rắn ở Việt Nam.

Chương 3. Đề xuất xây dựng Chiến lược quốc gia về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn ở Việt Nam.

Trong thời gian thực hiện luận văn này, tác giả đã nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của PGS.TS. Trương Mạnh Tiến trong việc xây dựng và hoàn thiện nội dung. Tác giả cũng đã nhận được sự giúp đỡ về mọi mặt như các thông tin, số liệu, các phân tích, đánh giá và hỗ trợ kinh phí từ Vụ Môi trường và Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường. Tác giả xin trân trọng cảm ơn PGS.TS. Trương Mạnh Tiến và tập thể cán bộ Vụ Môi trường, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG VIỆC GIẢM THIỂU, TÁI SỬ DỤNG, TÁI CHẾ CHẤT THẢI

1.1. Cơ sở lý luận về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải

1.1.1. Khái niệm

Giảm thiểu (Reduce), tái sử dụng (Reuse) và tái chế (Recycle) là ba nội dung hợp thành chiến lược mang tên 3R. Chiến lược này còn có tên gọi là “Xã hội tuần hoàn vật chất hợp lý”, được Nhật Bản sử dụng lần đầu tiên năm 2000. Nằm trong hệ thống thứ bậc phân cấp về chất thải (hình 1.1), là hệ thống phân biệt các giải pháp quản lý chất thải theo mức độ đáp ứng yêu cầu môi trường của chúng. Đứng vị trí thấp nhất trong hệ thống này là xử lý chất thải khi đã phát sinh bằng các giải pháp kỹ thuật. Cao hơn một chút là việc thu hồi, tận dụng năng lượng trong xử lý chất thải.



Hình 1.1. Hệ thống thứ bậc phân cấp về chất thải

a) Giảm thiểu

Giảm thiểu là nội dung hiệu quả nhất trong 3 giải pháp R cho sử dụng tài nguyên và giảm thiểu chất thải. Về mặt nội dung, giảm thiểu có thể được coi là sự tối ưu hóa quá trình với việc sản xuất ra lượng sản phẩm cao nhất mà thải ra lượng chất thải thấp nhất. Quá trình này đòi hỏi phải vận dụng kỹ năng hiểu biết không chỉ về sản phẩm, dòng thải như tái chế hay tái sử dụng, mà còn phải nắm rõ về quá trình sản xuất, loại nguyên nhiên liệu sử dụng, v.v...

b) Tái sử dụng

Tái sử dụng có thể được coi là việc sử dụng một sản phẩm nhiều lần cho đến hết tuổi thọ sản phẩm. Nếu như tái sử dụng theo nghĩa truyền thống để chỉ việc sản phẩm được sử dụng nhiều lần theo cùng chức năng gốc thì ngày nay, có thể hiểu thêm việc tái sử dụng còn là sử dụng sản phẩm theo một chức năng mới, mục đích mới.

c) Tái chế

Tái chế là việc tái sản xuất các vật liệu thải bỏ thành những sản phẩm mới. Quá trình tái chế ban đầu có mục tiêu ngăn chặn lãng phí nguồn tài nguyên, giảm tiêu thụ nguyên liệu thô cũng như nhiên liệu sử dụng so với quá trình sản xuất cơ bản từ nguyên liệu thô. Tái chế có thể chia thành 2 dạng, tái chế ngay tại nguồn từ quy trình sản xuất và tái chế nguyên liệu từ sản phẩm thải.

d) Quản lý tổng hợp chất thải

Trong các lý thuyết về quản lý môi trường nói chung và quản lý chất thải nói riêng, đã xuất hiện lý thuyết mới về quản lý tổng hợp môi trường (Integrated Environmental Management) và quản lý tổng hợp chất thải (Integrated Waste Management). Theo tài liệu hướng dẫn về quản lý tổng hợp chất thải thì thuật ngữ “tổng hợp” có nghĩa là nối kết hay phối hợp với nhau.

1.1.2. Giới thiệu về Sáng kiến 3R

Tại Hội nghị G8 diễn ra ở Sea Island, Georgia, Hoa Kỳ tháng 6/2004, Nhật Bản đã đề xuất sáng kiến 3R. Hội nghị đã thông qua “Khoa học và Công nghệ đối với phát triển bền vững: Kế hoạch hành động ‘3R’ và xúc tiến thực thi đầy đủ” như là một phần của Kế hoạch hành động G8.

Sáng kiến 3R sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ hơn trong Hội nghị thượng đỉnh G8 tổ chức tại Đức vào năm 2007 và Nhật Bản vào năm 2008.

1.1.3. Các nội dung chính của 3R

a) Phân loại tại nguồn

Việc phân loại chất thải rắn, trên thực tế, thường được thực hiện tại 3 công đoạn: tại hộ gia đình và cộng đồng (tại nguồn);

trong quá trình thu gom và vận chuyển bởi chính quyền địa phương và; tại bãi chôn lấp từ những người nhặt rác. Tuy nhiên, phân loại tại nguồn vẫn có ý nghĩa quan trọng nhất bởi vì chất thải chỉ có thể được phân loại tốt nhất tại thời điểm phát sinh. Mọi thời điểm sau đó, khi đã bị trộn lẫn, hoặc bị phân huỷ theo thời gian, việc phân loại chất thải càng trở nên khó khăn hơn, thậm chí có khi không thể thực hiện được.

b) Giảm thiểu

Giảm thiểu phát sinh chất thải sinh hoạt là một trong những vấn đề cần thiết và phải được ưu tiên trong các hoạt động 3R. Với mức sống ngày càng được nâng cao, xu hướng xã hội tiêu thụ ngày càng phát triển, cần thiết phải thúc đẩy giảm lượng chất thải sinh hoạt và tiêu dùng, ví dụ như chất thải thực phẩm phát sinh từ các hộ gia đình, nhà hàng và người bán lẻ, bao bì đóng gói, v.v... Giảm thiểu chất thải sinh hoạt thường được thực hiện thông qua các biện pháp khuyến khích thay đổi hành vi, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, tiết kiệm nước và năng lượng, hướng tới tiêu dùng bền vững.

Giảm thiểu phát sinh chất thải công nghiệp tập trung chủ yếu vào áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn. Trong thực tế, các thay đổi không chỉ đơn thuần là thiết bị mà còn là các thay đổi trong vận hành và quản lý của một doanh nghiệp. Giảm chất thải tại nguồn thông qua quản lý nội vi là một loại giải pháp đơn giản nhất của sản xuất sạch hơn.

c) Tái sử dụng

Tái sử dụng bao gồm các nội dung như: Khuyến khích các dịch vụ tái sử dụng sản phẩm (sửa chữa, cho thuê), tăng cường, khuyến khích sản xuất các thành phần sản phẩm có tuổi đời trung bình cao.

Đôi khi cũng có thể tiếp tục sử dụng sản phẩm được nếu như sản phẩm với kết cấu chất liệu, hình dáng ban đầu được sử dụng theo một chức năng khác. Ví dụ, cốc đựng tương hạt cải làm cốc uống nước, bình nhựa làm thùng chứa nước mưa, lốp xe ô tô làm ghế đu hay đài hoa.

Tái sử dụng lại là một dạng của việc làm giảm chất thải - mở rộng các nguồn cung cấp nguyên liệu và giảm năng lượng sử dụng và giảm ô nhiễm thậm chí hơn cả tái chế. Hoạt động tái sử dụng chất thải rắn có thể được thực hiện tốt ở các khu công nghiệp tập trung trên cơ sở hình thành một hệ thống thông tin để trao đổi chất thải vì trong một số trường hợp chất thải cần phải loại bỏ ở nơi này trở thành nguyên liệu đầu vào ở nơi khác.

d) Tái chế

Các yếu tố sản xuất đã tác động đến quá trình chuyển hóa vật liệu và năng lượng, do vậy có sự đòi hỏi đến môi trường – nơi cung cấp tài nguyên thiên nhiên. Điều đáng quan tâm là đặc tính tái tạo của vật liệu và nhiên liệu, do vậy cần phân biệt giữa vật liệu, nhiên liệu tái tạo lại được và vật liệu, nhiên liệu không tái tạo lại được.

Trên phương diện kinh tế, ngành kinh doanh có thể gặp một loạt các rắc rối khi quay vòng và tái sản xuất các sản phẩm, có khi tiết kiệm được chi phí, có khi chi phí lại tăng lên do vậy cần thiết phải tính toán nhu cầu sản xuất và khả năng tiêu thụ các sản phẩm do có tái chế. Tái chế có thể ở dạng tái sinh hoặc tái tạo lại giá trị hoặc tiếp tục tận dụng giá trị.

1.1.4. Các giải pháp chiến lược để thực hiện 3R

Có nhiều giải pháp chiến lược để thúc đẩy thực hiện 3R, trong đó một số giải pháp chính như sau:

a) Tăng cường hệ thống chính sách, pháp luật.

b) Giảm rào cản thương mại giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ, cũng như tạo điều kiện cho dòng sản phẩm và nguyên liệu có liên quan đến tái chế và tái sản xuất.

c) Tăng cường hợp tác giữa các bên liên quan.

d) Khuyến khích phát triển công nghệ xanh và chuyển giao công nghệ.

e) Nâng cao nhận thức cộng đồng.

1.2. Các biện pháp giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải

Để giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải, có nhiều giải pháp quản lý chung hướng tới việc giảm thiểu các loại chất thải ở đầu đường ống cũng như nhiều biện pháp kỹ thuật riêng khi xử lý từng loại chất thải ở cuối đường ống. Các biện pháp chung bao gồm: áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống quản lý môi trường ISO 14000 và kiểm toán môi trường. Một số biện pháp kỹ thuật xử lý cuối đường ống đối với từng loại chất thải cũng sẽ được mô tả sơ lược dưới đây.

a) Các biện pháp quản lý

Sản xuất sạch hơn (SXSH).

Hệ thống Quản lý môi trường.

Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14000.

Kiểm toán môi trường/Kiểm toán chất thải.

b) Các biện pháp kỹ thuật đối với từng loại chất thải

Tái chế nhựa.

Tái chế giấy.

Tái chế kim loại.

Ủ phân hữu cơ (ché biến phân compost).

1.3. Kinh nghiệm quốc tế về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải và bài học rút ra cho Việt Nam

1.3.1. Các nước phát triển

a) CH Liên bang Đức

CHLB Đức đã thực hiện một số biện pháp liên quan đến 3R như sau:

- Cấm chôn lấp chất thải chưa được xử lý từ 01/06/2005. - Hỗ trợ và tham gia Nhóm công tác phòng ngừa và tái chế chất thải (WGWPR) của OECD với mục đích hướng tới nền kinh tế quay vòng (circular economy). - Phân loại tại nguồn. - Nỗ lực phòng ngừa phát sinh chất thải được thực hiện ở cấp địa phương, khu vực và cơ sở công nghiệp. - Các bãi chôn lấp rác được quy hoạch, xây dựng và vận hành chủ yếu bởi chính quyền thành phố hoặc công ty nhà nước. Người phát sinh chất thải phải trả phí tương đương chi phí xử lý (pay-as-you-throw). - Về vận chuyển xuyên biên giới,

Đức là nước xuất khẩu các loại chất thải kim loại, nhựa (PET), giấy, điện điện tử, xe hơi cũ, v.v... Vấn đề có thể phát sinh ở chỗ, việc phân biệt chất thải nguy hại và không nguy hại đôi khi không rõ ràng trong khi nước nhập khẩu thường có các tiêu chuẩn thấp hơn về quản lý chất thải.

b) Cộng hoà Pháp:

Cộng hoà Pháp đã ban hành Kế hoạch quốc gia về phòng ngừa chất thải (National Plan for Waste Prevention) vào tháng 4/2004:

- Thực hiện chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về giảm thiểu chất thải trong 3 năm, bắt đầu từ 10/2005. - Xây dựng tiêu chuẩn thử nghiệm về thời gian lưu hành hiệu quả của sản phẩm (product expected effective lifetime – PEEL). - Cam kết tự nguyện giảm số lượng túi đựng hàng từ các công ty bán lẻ lớn trong 3 năm 2003-2006.

- Ban hành Nghị định về tiêu huỷ các loại tờ rơi quảng cáo, theo đó thành lập quỹ thu gom và xử lý các loại tờ rơi quảng cáo bằng sự đóng góp của chính các nhà sản xuất tờ quảng cáo này.

- Về vận chuyển chất thải xuyên biên giới, CH Pháp xuất khẩu một ít chất thải bao bì (khoảng 10% giấy bao gói được xuất khẩu để tái chế). Vận chuyển chất thải không nguy hại, có thể tái chế sẽ làm tăng hiệu quả của nền kinh tế toàn cầu, tuy nhiên giới hạn giữa chất thải nguy hại và không nguy hại cần phải được xác định rõ và cần được hướng dẫn bằng các qui định quốc tế.

c) Canada

Ở Canada, việc phân cấp quản lý chất thải và các hoạt động liên quan đến 3R được thực hiện rõ ràng với sự chia sẻ trách nhiệm giữa các cấp chính quyền.

- Canada đã ban hành qui định mới về xuất nhập khẩu chất thải nguy hại và vật liệu nguy hại có thể tái chế tháng 11/2005 với việc tách riêng các định nghĩa về chất thải và vật liệu có thể tái chế (recyclable materials).

- Xây dựng Chiến lược quốc gia về tái chế và phục hồi tài nguyên (National Resource Recovery and Recycling Strategy) với sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan.

- Phát hành sách hướng dẫn “Chất thải rắn là nguồn tài nguyên - Sổ tay cho các cộng đồng bền vững” phổ biến khái niệm rác-nguồn tài nguyên và hỗ trợ chính quyền địa phương xây dựng các hệ thống quản lý phát triển các cộng đồng bền vững (sustainable community).

- Các hoạt động khác như thành lập Quỹ xanh (Green Municipal Fund).

d) Nhật Bản

Chính phủ Nhật Bản đã ban hành một số luật về tái chế bao gồm:

- Luật khuyến khích phân loại và tái chế vỏ chai, lọ và bao bì 1995; - Luật tái chế các đồ dùng gia đình 1998; - Luật Tái chế vật liệu xây dựng 2000; - Luật Tái chế thực phẩm 2000; - Luật Tái chế các phương tiện giao thông đã qua sử dụng 2002; - Luật Mua sắm xanh 2000.

Về hợp tác quốc tế, Chính phủ Nhật Bản đã tổ chức hội thảo về chất thải điện tử tháng 11/2005 tại Tokyo, với sự phối hợp của Ban thư ký Công ước Basel.

Về xuất nhập khẩu chất thải, Nhật Bản xuất khẩu các phế liệu kim loại (thép, đồng và nhôm), giấy và nhựa với 90% sang Trung Quốc và Hồng Kông. Nhập khẩu các loại chất thải tái chế vào Nhật đã giảm xuống còn 60% so với 1990 với các chất nhập chủ yếu là dầu thực vật, xỉ lò cao và thép phế liệu.

e) Hoa Kỳ

Hoa Kỳ hiện tái chế 30% chất thải rắn, khuyến khích các hoạt động 3R đặc biệt trong hai thập niên gần đây. Các hoạt động được bắt đầu năm 1987, khi xà lan Mobro chở 3.000 tấn rác phải đi lang thang trên biển vì không tiểu bang nào chịu chấp nhận chôn lấp. Thông điệp gửi tới cộng đồng lúc đó là “Đã hết đất dành cho các bãi rác”. Từ đó, các hoạt động 3R đã được thúc đẩy mạnh mẽ. Cục Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (EPA) khuyến khích tái chế và compost rác thải, nhưng luật pháp liên bang không bắt buộc các cấp chính quyền địa phương phải thực hiện mà các chính sách này thường được cấp chính quyền bang và địa phương thường ban hành trong lãnh thổ của mình.

1.3.2. Các nước đang phát triển

a) Ấn Độ

Chính phủ Ấn Độ đã thực hiện một số sáng kiến ở cấp quốc gia và bang nhằm thúc đẩy tái chế. Ngoài Qui chế quản lý chất thải năm 2000, Quy chế Sản xuất và sử dụng vật liệu nhựa (1999, sửa đổi 2003), Qui chế quản lý pin (2001) cũng đã được ban hành. Quy chế về phân loại, nhãn mác, thu gom và tái chế chai lọ và bao bì đã được soạn thảo và đang lấy ý kiến. Theo Hội đồng về Nhựa và Môi trường Ấn Độ, ước tính 1,2 triệu tấn nhựa đã được tái chế. Ngoài lượng chất thải có thể tái chế được phân loại ở các hộ gia đình, khoảng 13-20% lượng chất thải được phân loại bởi các công ty thu gom từ chất thải rắn đô thị.

Ở Ấn Độ, hệ thống tư nhân, phi chính thức, được gọi là Kabariwala, tham gia thu gom, phân loại và tái chế các sản phẩm không độc hại như giấy, nhựa, chai lọ, thủy tinh.

b) Brazil

Bộ Môi trường Brazil đã thành lập Cục Sản xuất sạch hơn (Cleaner Production Unit - CPU) với nhiệm vụ phổ biến khái niệm, khuyến khích ứng dụng và trao đổi thông tin, phương pháp về SXSH, hiệu quả sinh thái và sản xuất bền vững. Một trong những ưu tiên của Bộ là xúc tiến đối thoại để thành lập các CPU cấp vùng để thực hiện SXSH tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hoạt động này cũng đã được thúc đẩy ở cấp khu vực Mỹ La tinh, trong đó Brazil và Argentina là lãnh đạo của Nhóm đặc nhiệm với mục tiêu thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (MSMEs).

c) Trung Quốc

Về chính sách, luật pháp, Trung Quốc đã ban hành nhiều luật về bảo vệ môi trường liên quan đến 3R. Luật khuyến khích áp dụng SXSH được ban hành năm 2002. Luật Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường từ chất thải rắn năm 2004 đã xác định 3R như là một nguyên tắc cơ bản trong quản lý chất thải rắn. Trong lĩnh vực năng lượng, Chính phủ đã lập Kế hoạch tiết kiệm năng lượng trung và dài hạn, ban hành Luật Năng lượng tái tạo.

Hiện tại, Chính phủ đang xây dựng kế hoạch phát triển CE trung và dài hạn và sẽ được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KTXH lần thứ 11 của Trung Quốc ở cấp quốc gia và địa phương. Các hoạt động nghiên cứu khoa học để thúc đẩy CE cũng được nhà nước đặc biệt quan tâm.

d) Hàn Quốc

Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành một số chính sách, luật pháp về 3R bao gồm:

- Luật quản lý chất thải (Waste Management Act)
- Phí chất thải rắn thu theo khối lượng phát sinh
- Luật tái chế chất thải điện tử và ô tô
- Luật tiết kiệm và tái chế tài nguyên
- Tăng cường trách nhiệm của nhà sản xuất (EPR)
- Luật tái chế chất thải xây dựng
- Luật mua sắm các sản phẩm xanh
- Kế hoạch tài nguyên hoá chất thải thực phẩm (resourcification of food waste).

1.3.3. Các nước trong khu vực

a) Phillipin

Thành phố Manila, thủ đô Phillipin, mỗi ngày thải ra 7.200 tấn rác, trong đó 80% được chôn lấp, thiêu huỷ còn lại khoảng 20% được tái chế. Nhà nước đã ban hành Luật quản lý sinh thái chất thải rắn năm 2000, đưa ra các quy định về 3R, bao gồm giảm thiểu chất thải tại nguồn, phục hồi tài nguyên, tái chế và tái sử dụng chất thải tại cộng đồng, thu gom hiệu quả và vận chuyển hợp lý, quản lý tốt các địa điểm tiêu huỷ chất thải.

Chính phủ đã lập kế hoạch thực hiện, đưa ra một số giải pháp trong thời gian tới như thành lập Quỹ quản lý chất thải rắn, trợ giúp tài chính cho các địa phương, Thực hiện kiểm toán môi trường, tăng cường sự tham gia của khối tư nhân, thực hiện các dự án giảm phát thải khí nhà kính theo cơ chế CDM và áp dụng EPR.

b) Đài Loan

Chiến lược quản lý chất thải rắn ở Đài Loan là giảm thiểu sự phát sinh chất thải, tái sử dụng và tái chế tối đa với mục tiêu đạt

lượng thải bằng 0 (zero waste). Để đạt mục tiêu này, Cục Bảo vệ môi trường đã công bố báo cáo “Rà soát Quản lý chất thải và Dự báo” (Waste Management Review and Outlook) và hiện tại đang soạn thảo chính sách “Không chất thải trong công nghiệp”.

Mục tiêu cụ thể ở Đài Loan là: giảm thiểu lượng chất thải hữu cơ phải chôn lấp theo lộ trình: 2007: 25%; 2011: 40%; 2020: 75%, đặc biệt sau năm 2010, không có chất thải phải chôn lấp tại thủ đô Đài Bắc.

c) Singapore

Singapore, một trong những “con rồng” kinh tế châu Á đã đạt được những thành tựu vượt bậc về phát triển. Mức sống được tăng cao cùng với sự gia tăng dân số đã làm cho khối lượng chất thải gia tăng nhanh chóng. Năm 1970, lượng chất thải rắn phát sinh mới chỉ đạt 1.200 tấn/ngày thì đến 2004 tỷ lệ này đã đạt tới 6.800 tấn/ngày. Vấn đề này càng trở nên bức xúc khi diện tích lãnh thổ đảo quốc này rất có giới hạn.

Để giải quyết tình trạng này, Chính phủ Singapore đã đề ra chiến lược quản lý chất thải bao gồm một số nội dung chính: giảm lượng phát thải, tăng cường tái chế và giảm lượng chất thải phải chôn lấp hướng tới mục tiêu dài hạn là không có bãi chôn lấp và không chất thải (zero landfill and zero waste). Chính phủ cũng đã đề ra Kế hoạch Xanh 2012 (Singapore Green Plan 2012 – SGP) với các mục tiêu cụ thể tăng tỷ lệ tái chế từ 44% năm 2002 lên 60% năm 2012.

Singapore cũng đã và đang tham gia tích cực vào các tổ chức khu vực và quốc tế về thúc đẩy các hoạt động về 3R.

d) Thái Lan

Thái Lan đã xây dựng Kế hoạch quản lý chất thải tổng hợp với các nội dung khuyến khích phân loại và giảm thiểu chất thải tại nguồn, khuyến khích chế biến phân hữu cơ và sử dụng năng lượng tái tạo. Tăng cường trách nhiệm của nhà sản xuất cũng được áp dụng đặc biệt đối với ắc-quy, và điện thoại di động thông qua cơ chế thu hồi sản phẩm đã qua sử dụng (take-back program). Chương trình này đã nâng tỷ lệ tái chế ắc-quy lên tới 85%.

Một chương trình trao đổi chất thải công nghiệp đang được thực hiện nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp tái chế. Tính đến năm 2005, đã có 450 cơ sở công nghiệp đăng ký và cung cấp thông tin cho cơ sở dữ liệu này.

Thái Lan cũng đang thực hiện các chương trình mua sắm xanh.

1.3.4. Bài học rút ra cho Việt Nam

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước như đã thống kê ở trên, các bài học rút ra cho Việt Nam có thể được tổng hợp lại như sau.

a) Cần phải xây dựng và áp dụng hệ thống chính sách, luật pháp đồng bộ về quản lý chất thải và 3R

Nước ta đã có một số văn bản nhất định về quản lý chất thải như Luật Bảo vệ môi trường 2005, Nghị định 67/2003/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Nghị định 174/2007/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn, các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, song chưa có các văn bản về giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế. Cần thiết phải hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về quản lý chất thải trong thời gian tới.

b) Cần phải thúc đẩy các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về 3R một cách thiết thực, có hiệu quả

c) Thực hiện cơ chế tăng cường trách nhiệm của nhà sản xuất

Trên thực tế, chính sách này đã được quy định tại Điều 67 của Luật Bảo vệ môi trường 2005 và Chính phủ cần sớm ban hành Quyết định thực hiện chính sách thu hồi và xử lý sản phẩm sau khi sử dụng. Đây là một cơ chế quan trọng trong lĩnh vực 3R mà hầu như nước nào cũng đã áp dụng.

d) Đẩy mạnh việc áp dụng SXSH, hướng tới phổ biến sản xuất và tiêu dùng bền vững trong cộng đồng

Kinh nghiệm từ các nước cho thấy, ngoài việc thành lập các cơ quan về SXSH ở cấp quốc gia, cần thiết phải thành lập các cơ quan cấp vùng, địa phương để thúc đẩy hoạt động này trong cộng đồng doanh nghiệp.

e) Khuyến khích và tạo sự tham gia rộng rãi của cộng đồng

Nhà nước ta đang chủ trương xã hội hoá, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường. Một kinh nghiệm từ Brazil là xây dựng và thực hiện những dự án về 3R, trong đó các bên liên quan trực tiếp được tham gia điều hành và thực hiện, kể cả những người đi bới rác.

g) Xây dựng các quỹ và cơ chế tài chính cho các hoạt động thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải

Ở nước ta, Quỹ Bảo vệ môi trường đã được thành lập ở cấp trung ương và một số địa phương cũng như ngành (ngành than), song cần thúc đẩy các cơ chế tài trợ cho 3R. Quan trọng hơn cần thành lập các quỹ tái chế trong đó các doanh nghiệp phát sinh chất thải tái chế cần đóng góp tài chính.

h) Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp tái chế

Kinh nghiệm của các nước cho thấy cần phải xây dựng một nền công nghiệp tái chế phát triển, thông qua nhiều biện pháp khác nhau như thúc đẩy nghiên cứu khoa học và công nghệ, tăng cường đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng về tái chế. Đây là một trong những giải pháp mà nước ta có thể cần phải thực hiện trong thời gian tới để góp phần kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các làng nghề.

Mặt khác, các hoạt động thúc đẩy ngành công nghiệp tái chế cũng bao gồm việc thành lập các trung tâm, mạng cơ sở dữ liệu về chất thải để qua đó các doanh nghiệp có thể mua bán, trao đổi chất thải như ở Thái Lan. Việc thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm tái chế thông qua quảng bá, tuyên truyền, thực hiện các chương trình mua sắm xanh của chính phủ.

1.4. Kết luận Chương 1

Các hoạt động 3R đã và đang được triển khai mạnh mẽ ở nhiều nước ở Châu á và trên thế giới, điển hình là ở Nhật Bản và Hàn Quốc. Tại Châu á, quá trình hiện đại hóa diễn ra nhanh chóng, dân số tăng nhanh tại đô thị, các quá trình sản xuất, thương mại phát triển nhanh làm gia tăng nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên, vì vậy, thúc đẩy 3R thông qua việc tích hợp các chính sách trong quản lý chất thải và tài nguyên là chìa khóa để nhận thức rõ về sản xuất và tiêu dùng bền vững ở Châu á.

Nhận thức rõ được các nội dung chính của 3R, đó là phân loại chất thải rắn tại nguồn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên trong hệ thống quản lý chất thải rắn hiện nay. Giảm thiểu phát sinh chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp cũng là những vấn đề cần phải được ưu tiên trong các hoạt động của 3R. Hoạt động tái sử dụng chất thải rắn có thể được thực hiện hiệu quả ở các khu công nghiệp tập trung khi có một hệ thống trao đổi thông tin về chất thải bị loại bỏ ở nơi này sẽ trở thành nguyên liệu đầu vào ở một nơi khác. Các hoạt động tái chế chất thải rắn ngoài việc tập trung vào tái chế các sản phẩm đã qua sử dụng, cần khuyến khích việc mua bán, sản xuất và sử dụng các sản phẩm, nguyên liệu có thể tái chế được và phát triển các công nghệ, ngành công nghệ tái chế.

Qua những bài học rút ra từ kinh nghiệm của các nước đã đi trước trong hoạt động 3R, Việt Nam cần có những bước đi tắt đón đầu trong xây dựng các chính sách, luật pháp về hoạt động 3R nhằm thúc đẩy một nền công nghiệp tái chế bền vững có sự tham gia của cộng đồng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN Ở VIỆT NAM

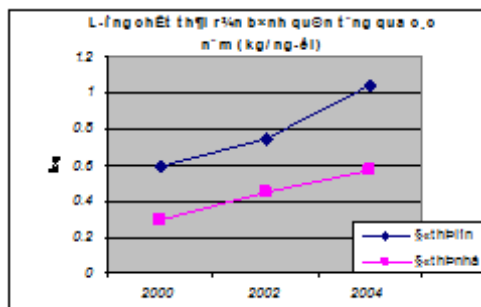
2.1. Tình hình phát sinh và quản lý chất thải rắn

a) Thực trạng

Trong những năm vừa qua, sự phát triển về kinh tế xã hội đã làm cho lượng chất thải rắn ở nước ta tăng lên rõ rệt. Theo báo cáo *Diễn biến Môi trường Việt nam 2004 – Chất thải rắn*, tổng lượng chất thải rắn phát sinh hàng năm khoảng 15 triệu tấn, trong đó khoảng 80% là chất thải sinh hoạt.

Chất thải rắn sinh hoạt. Theo thống kê, từ năm 2002-2004 lượng chất thải rắn sinh hoạt bình quân đầu người đã tăng khoảng 1.3 lần đối với tất cả các loại đô thị lớn nhỏ. Đến năm 2004, tỷ lệ phát sinh chất thải rắn đã tăng tới 0,9 đến 1,2 kg/người - ngày ở

các thành phố lớn và 0,5 - 0,65 kg/người-ngày tại các đô thị nhỏ (hình 2.1).

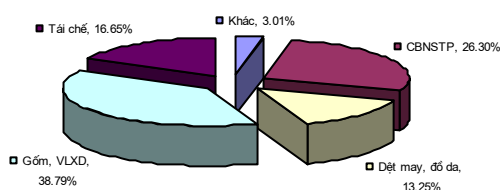


Hình 2.1. Lượng chất thải rắn bình quân qua các năm 2002-2004.

Chất thải rắn công nghiệp phát sinh chủ yếu ở các trung tâm công nghiệp lớn ở miền Bắc và miền Nam, là khu vực tạo ra khoảng 80% trong tổng số 2,6 triệu tấn chất thải công nghiệp của cả nước. Khoảng 50% lượng chất thải công nghiệp của nước ta phát sinh ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận và 30% phát sinh ở các vùng đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. 75% tổng lượng chất thải công nghiệp nguy hại của cả nước phát sinh ở vùng kinh tế trọng điểm miền Nam.

Về chất thải rắn công nghiệp nguy hại, các ngành công nghiệp nhẹ, hóa chất và cơ khí luyện kim phát sinh nhiều nhất. Ngành điện và điện tử phát sinh ít nhất.

Đối với hoạt động sản xuất công nghiệp tại các làng nghề, với khoảng 1450 làng nghề trên cả nước, hàng năm có khoảng 770.000 tấn chất thải rắn thải ra môi trường, trong đó ước tính 2.200 tấn là chất thải nguy hại, chủ yếu tập trung ở các tỉnh phía Bắc. Tỷ lệ % lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ các loại hình làng nghề được thể hiện ở hình 2.2.



Hình 2.2. Phân bố lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ các làng nghề.

(Nguồn: Đề tài KC 08-09)

Chất thải rắn y tế. Chất thải rắn y tế chiếm tỉ lệ nhỏ so với chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, ước tính tổng lượng chất thải rắn y tế phát sinh khoảng 90.000 tấn năm 2001 và 100.000 tấn năm 2004. Lượng chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh cần phải xử lý ước tính khoảng 34 tấn ngày đêm. Trong đó nếu phân chia địa bàn thì 1/3 lượng chất thải y tế nguy hại tập trung ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; 2/3 còn lại ở các tỉnh, thành khác. Nếu phân theo khu vực của các tỉnh, thành thì 70% lượng chất thải y tế nguy hại tập trung ở các thành phố, thị xã thuộc các đô thị; 30% ở các huyện, xã nông thôn, miền núi.

Chất thải rắn xây dựng bao gồm chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động xây dựng tại các đô thị và khu công nghiệp và chất thải rắn phát sinh từ các cơ sở sản xuất ngành xây dựng. Theo đánh giá của một số chuyên gia, chất thải rắn xây dựng chiếm tỷ lệ khoảng 10% của tổng số chất thải rắn phát sinh từ tất cả các ngành. Nhìn chung chất thải rắn xây dựng là không nguy hại, không phải chôn lấp và thường được tái sử dụng vào mục đích san lấp mặt bằng.

b) Quản lý chất thải rắn

Việc phân loại rác thải tại nguồn, ngoại trừ đối với chất thải rắn y tế được thực hiện tương đối tốt, còn lại đối với chất thải công nghiệp và đặc biệt là chất thải sinh hoạt mới chỉ được thực hiện ở bước đầu thử nghiệm tại một số thành phố lớn.

Hoạt động thu gom chất thải rắn ở nước ta hiện nay mặc dù đã có cải tổ đáng kể nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế đặc biệt là ở các vùng nông thôn. Tỷ lệ thu gom chất thải ở các vùng đô thị trung bình đạt khoảng 70%. Nhìn chung các thành phố lớn có tỷ lệ thu gom chất thải đạt ở mức cao hơn (76%) so với các thành phố nhỏ (70%) trong khi các vùng nông thôn có tỷ lệ thu gom thấp hơn 20%. Tại nhiều đô thị và khu công nghiệp chất thải nguy hại không được phân loại riêng, còn chôn lấp chung với chất thải sinh hoạt.

Hoạt động tái chế đã có từ lâu ở nước ta, các loại chất thải có thể tái chế được như kim loại và giấy được các hộ gia đình bán cho những người thu mua đồng nát và thị trường tái chế chất thải phần lớn là do khu vực phi chính thức kiểm soát. Hoạt động này không được quản lý một cách có hệ thống, có định hướng mà chủ yếu do các cơ sở tư nhân thực hiện một cách tự phát. Công nghệ tái chế chất thải tại một số làng nghề cũ và lạc hậu, cơ sở hạ tầng yếu kém đã dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở một số nơi.

Việc xử lý và tiêu huỷ chất thải rắn cho đến nay chủ yếu vẫn là đổ ở các bãi lộ thiên không có sự kiểm soát, gây mùi nặng nề.

Các lò đốt rác hiện nay ở nước ta chủ yếu dành cho ngành y tế và cũng chỉ đáp ứng được 50% tổng lượng chất thải y tế nguy hại.

2.2. Thực trạng, rào cản, cơ hội về giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải

2.2.1. Thực trạng

a) Phân loại tại nguồn và giảm thiểu chất thải

Việc giảm thiểu chất thải trong các hoạt động sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng ở nước ta hầu như chưa được chú trọng. Chưa có những phong trào kêu gọi người dân giảm thiểu rác thải một cách trực tiếp.

Việc phân loại chất thải tại nguồn không triệt để dẫn đến lãng phí tài nguyên chất thải, làm thiệt hại không nhỏ về kinh tế cho xã hội. Theo thống kê, chỉ tính riêng trong chất thải sinh hoạt tại Tp. Hồ Chí Minh có đến 10-12 thành phần có khả năng tái chế đem lại doanh thu khoảng 60 tỷ đồng/năm. Nếu không phân loại tại nguồn tốt thì khó có thể thu lại nguồn lợi này.

b) Tái sử dụng và tái chế

Đối với hoạt động tái chế phi chính thức, hầu hết, các vật liệu có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng như nhựa, giấy, kim loại.. được các chủ phát thải lưu giữ và bán cho những người thu mua đồng nát. Những người nhặt rác tại các bãi chôn lấp chất thải đô thị cũng bới nhặt các vật liệu có khả năng tái chế trong rác, tuy nhiên các hoạt động này chỉ góp phần giảm khoảng 10-12 % khối lượng rác thải. Lượng chất thải có thể tái chế này sau đó được thu

gom qua hệ thống những đầu nậu (những người thu mua lớn) và chuyển đến các cơ sở tái chế, chủ yếu nằm ở các làng nghề.

Về hoạt động tái chế một cách chính thức, hiện nay ở nước ta đã áp dụng một số công nghệ tái chế chất thải sinh hoạt hữu cơ thành phân compost. Đây là hình thức tái chế rất hữu hiệu các chất thải hữu cơ và có tiềm năng để sản xuất các loại sản phẩm làm màu mỡ đất, không gây ô nhiễm môi trường. Mặc dù đây là phương thức góp phần quản lý hiệu quả chất thải rắn sinh hoạt nhưng do chưa lưu ý tới các yêu cầu của quy trình sinh học, nguyên liệu đầu vào chất lượng kém dẫn tới chất lượng phân compost chưa cao và việc tiếp thị sản phẩm chưa tốt nên việc chế biến phân compost từ chất thải hữu cơ còn chưa phổ biến.

Đối với chất thải rắn y tế, nhìn chung công tác phân loại đã được thực hiện ở hầu hết các bệnh viện, song việc vận chuyển còn chưa tốt và chưa có hoạt động tái chế loại chất thải này. Những chất thải y tế không nguy hại thường được thải bỏ để chôn lấp tại các bãi rác còn các chất thải y tế nguy hại hoặc là được đốt tại lò đốt rác của bệnh viện, của các công ty môi trường đô thị hoặc là bị thải bỏ cùng các loại chất thải không nguy hại khác.

Về hiện trạng các cơ chế chính sách đối với các hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải ở nước ta, mặc dù đã được nhắc đến trong các văn bản pháp lý khung về bảo vệ môi trường và định hướng phát triển bền vững, song còn thiếu nhiều các văn bản qui phạm pháp luật cụ thể.

2.2.2. Rào cản

Mặc dù một số hoạt động đã được thực hiện song việc áp dụng giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn ở nước ta đang phải đối mặt với một số rào cản như sau:

a) Rào cản về cơ chế chính sách:

- Thiếu hụt các chính sách pháp luật cụ thể.
- Chưa có các chính sách khuyến khích và ưu đãi về nhãn mác sinh thái với các mặt hàng giảm thiểu chất thải hoặc sản xuất từ các nguyên liệu tái chế, tái sử dụng.

- Chưa chú trọng đến các quan hệ hợp tác song phương và đa phương với các nước khác, với các tổ chức khoa học, kinh tế, v.v. trong áp dụng, chuyển giao công nghệ và triển khai.

b) Rào cản về kỹ thuật công nghệ:

- Thiếu hụt thông tin về công nghệ tái chế, tái sử dụng hoặc giảm thiểu chất thải; - Vẫn đang áp dụng các công nghệ tái chế, tái sử dụng còn lạc hậu, hiệu quả thấp, chất lượng sản phẩm không cao, đồng thời gây ô nhiễm môi trường; - Chưa có các thỏa thuận phù hợp về chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực trong lĩnh vực 3R; - Chưa có được các nghiên cứu đầy đủ về cân bằng của những lợi ích kinh tế, xã hội đem lại từ các hoạt động 3R; - Thiếu hụt đội ngũ chuyên gia có kinh nghiệm.

c) Rào cản về cơ sở hạ tầng:

- Cơ sở hạ tầng cho việc triển khai chiến lược 3R tại Việt Nam bao gồm từ diện tích, thiết bị, con người, giao thông vận tải, cung cấp năng lượng và nguyên liệu còn chưa đầy đủ và sẵn sàng.

- Bản thân các công nghệ, dây chuyền sản xuất và thiết bị ở Việt Nam cũng mới chỉ ở mức độ trung bình, tại nhiều cơ sở còn cũ kĩ và lạc hậu, dẫn đến những khó khăn trực tiếp trong việc áp dụng các chiến lược 3R.

d) Rào cản về vốn đầu tư:

- Trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay ở Việt Nam, các lợi ích về kinh tế thường được ưu tiên trước các lợi ích khác, và do vậy, muốn triển khai các giải pháp 3R, đòi hỏi nguồn vốn đầu tư là điều tương đối khó khăn, điều này đã từng xảy ra đối với việc áp dụng sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất của Việt Nam từ năm 1997.

e) Rào cản về nhận thức:

- Các sản phẩm tái chế hiện nay vẫn chưa được người dân chấp nhận tương đương so với các sản phẩm thông thường. Các sản phẩm phân hữu cơ, phân vi sinh sản xuất ra hiện nay vẫn khó tiêu thụ trên thị trường; - Lợi ích kinh tế thường được đặt ưu tiên hơn so với lợi ích về mặt môi trường, nhà sản xuất và người dân còn chưa phối hợp, cộng tác đầy đủ với các bên liên quan; - Chưa có nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến rộng rãi thông tin tới

người dân và nhà sản xuất; - Không có các biện pháp khuyến khích các hộ dân cư cũng như các doanh nghiệp, bệnh viện các điểm dịch vụ công cộng đến với phân loại rác thải tại nguồn.

2.2.3. Cơ hội

a) Tiềm năng lớn về tái chế và tái sử dụng chất thải.

Thị trường tái chế ở nước ta khá sôi nổi mà phần lớn là do khu vực tư nhân kiểm soát, ví dụ như ở Hà Nội thị trường này cho phép thực hiện tái chế với khoảng 22% lượng chất thải phát sinh. Thị trường này rất có khả năng mở rộng hơn nữa với khả năng thực hiện tái chế cho khoảng 32% lượng chất thải đô thị mà hiện nay đang được tiêu huỷ tại các bãi tiêu huỷ rác, và có khả năng sản xuất được 2,1 triệu tấn các loại vật liệu tái chế mỗi năm bao gồm giấy, nhựa, kim loại và thủy tinh.

b) Tái sử dụng và tái chế được phổ biến ở nhiều hộ gia đình

Các hộ gia đình thường có thói quen tích trữ các loại chất thải có khả năng tái chế như kim loại và giấy chẳng hạn để bán lại cho những người làm nghề mua đồng nát rong, hoặc là bán trực tiếp cho các nhà thu mua đồng nát trong vùng. Các chất thải có khả năng tái chế và tái sử dụng cũng sẽ được phân loại nhờ hoạt động của những người làm nghề nhặt rác và sau đó họ sẽ đem bán chúng cho các cơ sở tái chế. Việc thúc đẩy các hoạt động tái chế trên phạm vi toàn quốc cũng có thể giúp tiết kiệm được một lượng chi phí đáng kể đáng ra sẽ phải chi cho hoạt động tiêu huỷ chất thải đô thị.

c) Hoạt động tái chế của khu vực tư nhân đã có ảnh hưởng đáng kể tới nền kinh tế địa phương:

Khu vực tư nhân hiện đang tiến hành thu gom phần lớn các loại chất thải có khả năng tái chế và tái sử dụng ở các khu đô thị. Kết quả khảo sát các hoạt động của khu vực tư nhân ở Hà Nội năm 1996 cho thấy khoảng 18-22% tổng các loại chất thải đã được chuyển sang các cơ sở tái chế tư nhân từ các bãi chôn lấp. Với con số xấp xỉ 1,4 triệu tấn chất thải phát sinh ở Hà Nội mỗi năm thì hoạt động tái chế đã tiết kiệm chi phí đáng lẽ phải dành cho hoạt động tiêu huỷ chất thải với mức hiện tại khoảng từ 38 đến 47 tỷ đồng.

d) Cơ hội về thể chế và luật pháp

Việt Nam đã có kế hoạch Hành động quốc gia về Sản xuất sạch hơn từ năm 2000 do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (cũ) ban hành và hiện nay được Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục tiếp quản. Chương trình Quốc gia về sản xuất sạch hơn, 1 trong 36 chương trình ưu tiên của Chiến lược quốc gia về Bảo vệ môi trường đến năm 2010 và hướng tới 2020 đã được thông qua, với Bộ Công nghiệp làm chủ quản, phối hợp với Bộ Tài nguyên và môi trường cùng các bộ ngành có liên quan khác.

Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã thành lập Trung tâm Năng suất Việt Nam.

e) Hợp tác quốc tế về 3R ngày càng được đẩy mạnh.

Có nhiều kế hoạch/chương trình, dự án hợp tác quốc tế về 3R, thí dụ như Sáng kiến 3R đã và đang được thực hiện trên toàn thế giới.

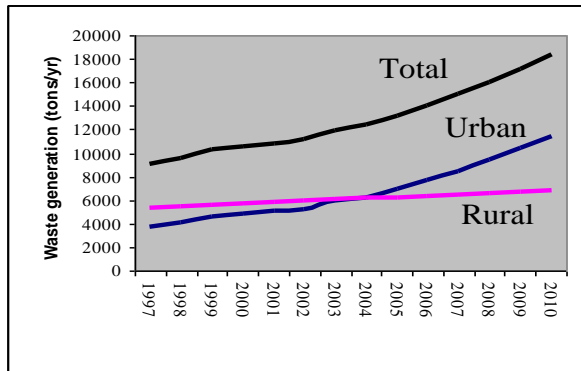
Tổ chức JICA của Nhật Bản đang thực hiện dự án 3R tại Hà Nội với tổng kinh phí 4 triệu USD trong 4 năm 2007-2010 nhằm giúp người dân thành phố thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn và tài sử dụng tái chế chất thải.

Ngoài ra, hàng loạt các chương trình, dự án cũng đã được thành lập với mục tiêu tăng cường năng lực sản xuất sạch hơn ở Việt Nam, như kế hoạch hành động phối hợp Việt Nam – Nhật Bản có tên Trợ giúp Xanh, được tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật bởi chính phủ Nhật Bản, dự án Môi trường Việt Nam – Canada (VCEP).

2.3. Dự báo tình hình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn đến 2010

Những biến động và thay đổi về kinh tế – xã hội và tốc độ đô thị hoá diễn ra nhanh chóng là yếu tố tạo nên sự gia tăng đáng kể về tổng lượng chất thải rắn phát sinh ở nước ta. Theo dự báo của *Báo cáo diễn biến môi trường Việt Nam 2004 -Chất thải rắn*, đến năm 2010 sẽ có thêm khoảng 10 triệu cư dân sinh sống ở các khu vực đô thị. Ngoài ra, sự tăng trưởng về kinh tế sẽ góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của nhân dân cũng sẽ gây nên sự gia tăng phát sinh chất thải rắn. Đến năm 2010 ước tính lượng chất

thải rắn sinh hoạt sẽ tăng gần gấp đôi, tương đương khoảng 20 triệu tấn.



Hình 2.3. Dự báo sự gia tăng chất thải rắn sinh hoạt
(Nguồn: Báo cáo Diễn biến Môi trường Việt nam 2004).

2.4. Cơ sở pháp lý cho việc xây dựng Chiến lược về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn

2.4.1. Luật Bảo vệ môi trường 2005 và Nghị định 80/2006/NĐ-CP

Luật Bảo vệ môi trường 2005 đã được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006.

Nghị định hướng dẫn thi hành Luật BVMT số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 cũng đã đề cập đến quản lý chất thải nguy hại và thu hồi, xử lý sản phẩm đã qua sử dụng hoặc thải bỏ.

2.4.2. Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến 2010 và định hướng đến 2020

Để hạn chế sự suy thoái môi trường, chủ động phòng ngừa và kiểm soát các tác động tiềm tàng do tăng trưởng nhanh về kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 phê duyệt *Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*. Đây là văn bản quan trọng định hướng công tác bảo vệ môi trường nước ta trong thời gian tới.

2.4.3. Nghị quyết 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Nghị quyết 41 là văn bản quan trọng thể hiện đường lối, chủ trương của Đảng ta về công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ mới. Bước đột phá của Nghị quyết này là việc dành 1% tổng chi ngân sách cho công tác bảo vệ môi trường từ năm 2006. Nghị quyết đã nêu các quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể về bảo vệ môi trường, trong đó có nhấn mạnh đến tái chế chất thải “Khuyến khích sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các sản phẩm và bao bì sản phẩm không gây hại hoặc ít gây hại đến môi trường; tái chế và sử dụng các sản phẩm tái chế”.

2.4.4. Nghị định 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn

Mới đây, ngày 9/4/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn. Nghị định quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan đến chất thải rắn. Đối tượng áp dụng của Nghị định là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến chất thải rắn trên lãnh thổ Việt Nam.

2.5. Kết luận Chương 2

Từ thực trạng và các vấn đề quản lý chất thải rắn ở Việt Nam cho thấy rằng các cơ chế, chính sách và giải pháp mang tính chất khung để thực hiện 3R ở Việt Nam đã được nghiên cứu xây dựng, tuy nhiên, các văn bản cụ thể, các công cụ kinh tế, các biện pháp về thể chế, giáo dục, khoa học công nghệ và tăng cường sự tham gia của các bên liên quan để thúc đẩy các hoạt động 3R nói chung và hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn nói riêng còn rất thiếu. Trên cơ sở pháp lý của các văn bản pháp luật hiện hành, các cơ quan chức năng cần cụ thể hóa thành các chính sách, cơ chế, qui định nhằm thúc đẩy hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn ở Việt Nam.

Chiến lược về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn ở Việt Nam là một trong những văn bản pháp luật bảo vệ môi trường giúp cho việc thực thi các chính sách chung của Chính phủ Việt Nam trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG 3

ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC VỀ GIẢM THIỂU, TÁI SỬ DỤNG VÀ TÁI CHẾ CHẤT THẢI RẮN Ở VIỆT NAM

3.1. Đề xuất lĩnh vực trọng tâm và định hướng ưu tiên

3.1.1. Chất thải rắn: lĩnh vực trọng tâm của 3R

Tái sử dụng, tái chế chất thải được áp dụng trên thế giới cũng như ở nước ta trước tiên là đối với chất thải rắn, tiếp theo là đối với nước thải, rồi mới đến khí thải. Đó là do chất thải rắn có nhiều loại hình, thành phần có thể tái chế khác nhau với tỷ lệ có thể tái chế tương đối cao. Chất thải rắn được coi như là một loại hàng hoá, bởi vì từ chất thải rắn người ta có thể tái chế ra các loại nguyên liệu, sản phẩm mới. Đối với chất thải rắn, để thực hiện quản lý tổng hợp một cách tốt nhất, phải thực hiện đồng bộ cả ba giải pháp giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng. Ngoài ra, với công nghệ đơn giản, giá thành của máy móc thiết bị không cao, các hoạt động tái chế và tái sử dụng chất thải rắn không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn mang lại những hiệu quả to lớn về mặt kinh tế và xã hội. Những nước làm tốt công tác 3R đều có nền công nghiệp tái chế phát triển, mang lại lợi nhuận, tạo việc làm tăng thu nhập cho người dân. Đối với nước ta, một nước đang còn nghèo, còn thiếu điều kiện tài chính để phát triển những công nghệ cao, tốn kém, việc ưu tiên phát triển 3R trong lĩnh vực chất thải rắn là hoàn toàn phù hợp.

3.1.2. Định hướng ưu tiên trong giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn

Từ các bài học về kinh nghiệm quốc tế rút ra cho Việt Nam, từ thực tiễn của công tác quản lý chất thải ở nước ta, một số định

hướng ưu tiên chung trong việc áp dụng giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn như sau:

Thứ nhất, cần thiết phải thực hiện tốt việc phân loại rác thải tại nguồn bởi lẽ có phân loại một cách đầy đủ, kỹ lưỡng thì các công đoạn tiếp theo như giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế mới đạt kết quả tốt. Có nhiều giải pháp để thực hiện hoạt động này như tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, ban hành các qui định khuyến khích và cưỡng chế, v.v...

Thứ hai, phải chú trọng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thu gom và xử lý rác thải. Rác thải sau khi phân loại phải được thu gom, vận chuyển và xử lý riêng biệt. Có như vậy thì việc phân loại tại nguồn mới có ý nghĩa và quá trình phân loại-tái sử dụng, tái chế mới được thực hiện một cách hoàn toàn.

Thứ ba, cần phải phát triển ngành công nghiệp tái chế với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Định hướng này sẽ góp phần giải quyết tình trạng ô nhiễm nặng nề ở các làng nghề tái chế hiện nay ở nước ta.

3.2. Đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy và hỗ trợ các hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế (3R)

3.2.1. Áp dụng cơ chế thu phí đối với chất thải một cách hiệu quả để tạo áp lực thực hiện 3R

Phí vệ sinh môi trường, một loại phí liên quan trực tiếp đến chất thải rắn, do những điều kiện khách quan và chủ quan, cũng chưa thật sự hiệu quả, chưa tạo ra động lực để gây áp lực giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải.

Để tạo áp lực giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải trong thời gian tới, cần thiết phải chỉnh sửa chế độ phí nước thải và phí vệ sinh, triển khai hướng dẫn thực hiện phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn hiệu quả và xây dựng phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, khắc phục được những vướng mắc, yếu điểm của hệ thống phí môi trường hiện nay.

3.2.2. Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đối với 3R

a) *Danh mục đặc biệt ưu đãi và danh mục ưu đãi*

- *Danh mục các lĩnh vực đề xuất được đặc biệt ưu đãi.*

- *Danh mục các lĩnh vực đề xuất được ưu đãi.*

b) Các chính sách ưu đãi

- *Chính sách ưu đãi về đầu tư.*

- *Chính sách ưu đãi về thuế.*

- *Chính sách về ưu đãi về đất đai.*

- *Chính sách ưu đãi về nhập khẩu máy móc, thiết bị.*

- *Chính sách ưu đãi đối với xuất khẩu.*

c) Các chính sách hỗ trợ

- *Về tài chính.*

- *Về công nghệ, kiến thức và kinh nghiệm.*

- *Về nhân lực.*

3.3. Đề xuất mối liên hệ, liên kết trong các biện pháp giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải

a) Các biện pháp chiến lược, quy hoạch và kế hoạch dài hạn

- Phòng ngừa và giảm thiểu phát thải tại nguồn. Các giải pháp đề xuất trong chiến lược, quy hoạch và kế hoạch dài hạn liên quan tới môi trường, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững cần có những quy định về giảm thiểu (chỉ tiêu kế hoạch giảm dần) phát thải, bên cạnh những chỉ tiêu về sản lượng sản phẩm hàng hoá.

- Thống kê và dự báo các nguồn thải.

- Phát triển ngành công nghiệp tái chế chất thải, bao gồm mạng lưới các cơ sở công nghiệp hoạt động dựa trên nguồn vật liệu từ chất thải tái chế, mạng lưới cung cấp vật liệu từ tái chế chất thải, các hoạt động phụ trợ (nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tái chế chất thải, ...).

b) Các biện pháp chính sách, cơ chế

- Chính sách tạo dựng và phát triển thị trường cho chất thải. Chính sách về thị trường cho chất thải thuộc loại chính sách tổng hợp, trong đó liên kết và phối hợp tất cả các yếu tố cho đối tượng chính là chất thải và các đối tượng có liên quan đến nó là người cần (có nhu cầu) đến nó và người cung cấp, tạo ra nó.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong xã hội về tiêu dùng các sản phẩm được sản xuất dựa trên cơ sở nguyên vật liệu là chất thải.

- Chính sách đối với nghiên cứu và chuyển giao các công nghệ tái chế chất thải.

3.4. Đề xuất xây dựng Chiến lược về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn ở Việt Nam

3.4.1. Phạm vi và thời gian

Chiến lược quốc gia về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn phải được xây dựng như là một văn bản định hướng cho công tác giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải ở nước ta trong thời gian tới.

Về phạm vi điều chỉnh, tác giả đề xuất chỉ đề cập đến chất thải rắn, bởi vì thực tế trên thế giới và ở Việt Nam, 3R chủ yếu áp dụng cho chất thải rắn, chất thải rắn là trọng tâm của 3R.

Về thời gian áp dụng và hiệu lực của Chiến lược, Chiến lược này nên có thời hạn đến 2020, với những mục tiêu ngắn và dài hạn cụ thể.

3.4.2. Mục tiêu

Mục tiêu của mỗi chiến lược thể hiện tầm nhìn của người hoạch định chính sách trong lĩnh vực mà văn bản đề cập. Mục tiêu cần phải cụ thể, rõ ràng, phải định lượng được và đặc biệt là phải có tính khả thi cao. Việc xây dựng các mục tiêu của Chiến lược, vì vậy, là rất khó. Nhiệm vụ đặt ra là xây dựng định hướng đến 2020 với các mục tiêu cụ thể và mục tiêu đến 2015.

Đối với định hướng đến 2020, với sự ước tính rằng đến thời điểm đó, nước ta đã cơ bản trở thành một nước công nghiệp, với một mức sống khá hơn, nhóm thực hiện đề tài cho rằng cần phải định hướng đến việc xây dựng một xã hội tái chế với trọng tâm sản xuất và tiêu dùng bền vững, trong đó 3R phải được sử dụng như một công cụ hữu hiệu để ngăn chặn mức độ ô nhiễm, bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo cho nhân dân được sống trong môi trường có chất lượng tốt.

Về mục tiêu đến 2015, nhất thiết nhận thức của cộng đồng về giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải được nâng cao. Cần

phải hình thành lối sống thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng trong mọi tầng lớp nhân dân. Các điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng, tài chính và nguồn nhân lực để giảm thiểu tái sử dụng, tái chế chất thải phải được thiết lập.

Cùng với các văn bản chiến lược về bảo vệ môi trường, đề xuất bộ chỉ tiêu cụ thể như sau:

a) Chỉ tiêu chung:

- Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp
- Tỷ lệ chất thải rắn được tái chế
- Tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu được ghi nhãn sinh thái
- Tỷ lệ sản phẩm nội địa được ghi nhãn sinh thái
- Tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý môi trường

ISO 14000

b) Chỉ tiêu đối với chất thải sinh hoạt:

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại
- Tỷ lệ chất thải rắn được chế biến thành phân vi sinh

c) Chỉ tiêu đối với chất thải dịch vụ:

- Tỷ lệ bao bì được tái chế
- Tỷ lệ giấy được tái chế
- Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý hợp vệ sinh

d) Chỉ tiêu đối với chất thải công nghiệp, xây dựng:

- Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp được thu gom, xử lý
- Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp được tái sử dụng, tái chế
- Tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn
- Tỷ lệ chất thải rắn xây dựng được tái sử dụng, tái chế

3.4.3. Quan điểm chỉ đạo

Chiến lược về giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải đến năm 2020 là một bộ phận không thể tách rời của hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường của nước ta. Chính vì vậy Chiến lược cũng phải thể hiện được quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về công tác bảo vệ môi trường, cụ thể là chủ trương, đường lối về phát triển bền vững.

3.4.4. Các nội dung cơ bản

Nội dung cơ bản của Chiến lược bao gồm 4 vấn đề chính: i) phân loại chất thải tại nguồn; ii) giảm thiểu; iii) tái sử dụng và; iv) tái chế, trong đó các nội dung giảm thiểu và tái sử dụng sẽ được xem xét dưới góc độ của từng loại chất thải như chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất và chất thải dịch vụ.

Với cách tiếp cận này, có thể chia nội dung của Chiến lược thành các nội dung như sau:

a) Phân loại chất thải tại nguồn:

Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc phân loại chất thải tại nguồn.

Phát triển cơ sở hạ tầng, phân loại, thu gom và xử lý riêng đối với từng loại chất thải sau khi đã phân loại.

b) Giảm thiểu chất thải

Giảm thiểu chất thải sinh hoạt.

Giảm thiểu chất thải sản xuất.

Giảm thiểu chất thải trong dịch vụ.

c) Tái sử dụng chất thải

Tái sử dụng chất thải sinh hoạt.

Tái sử dụng chất thải trong sản xuất.

Tái sử dụng chất thải trong dịch vụ.

d) Tái chế chất thải

Phát triển thị trường chất thải.

Phát triển ngành công nghiệp tái chế.

Phát triển thị trường các sản phẩm tái chế.

Xây dựng và áp dụng các chính sách ưu đãi cho các hoạt động tái chế.

Thiết lập các quỹ tái chế.

3.4.5. Các giải pháp thực hiện Chiến lược

Để thực hiện các nội dung nêu trên của Chiến lược, cần phải có các giải pháp thực hiện, trong đó một số giải pháp quan trọng có thể xác định như sau:

- Tăng cường chính sách, pháp luật và thể chế về quản lý chất thải

- Nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý chất thải và giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải
- Tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng về quản lý chất thải, phát triển ngành công nghiệp tái chế, thúc đẩy xã hội hoá trong công tác quản lý chất thải.
- Áp dụng các công cụ kinh tế, phát triển thị trường chất thải
- Thúc đẩy nghiên cứu khoa học về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải
- Tăng cường sự hợp tác của các bên liên quan, tăng cường hợp tác quốc tế
- Thực hiện các dự án thí điểm về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải, đúc rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình có hiệu quả cao

3.4.6. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm tổ chức thực hiện chiến lược cần được nêu rõ đối với 3 đối tượng chính: chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng.

a) Trách nhiệm của các cơ quan chính quyền

Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, các địa phương thực hiện Chiến lược, phối hợp với Bộ Tài chính để cân đối, bố trí vốn cho các hoạt động về 3R. Các bộ, ngành, địa phương, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện các mục tiêu, nội dung, giải pháp liên quan đến ngành, địa phương, phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện Chiến lược.

b) Trách nhiệm của doanh nghiệp, các tổ chức xã hội

Các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có trách nhiệm phối hợp xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải của Nhà nước. Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải trong phạm vi của mình.

c) Trách nhiệm của cá nhân, hộ gia đình

Cá nhân và hộ gia đình có trách nhiệm tham gia xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về giảm thiểu, tái

sử dụng và tái chế chất thải của Nhà nước. Thực hiện các mục tiêu, nội dung, giải pháp của Chiến lược.

3.4.7. Các chương trình thực hiện Chiến lược

1. Chương trình hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý chất thải và 3R

2. Chương trình tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và tạo dựng ý thức cộng đồng về 3R

3. Chương trình thử nghiệm và nhân rộng mô hình phân loại rác thải tại nguồn

4. Chương trình xây dựng năng lực giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải

5. Chương trình xây dựng và áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý chất thải

6. Chương trình xây dựng các cơ sở chế biến phân compost tại các đô thị

7. Chương trình khuyến khích và thúc đẩy mua sắm xanh

8. Chương trình xây dựng và phát triển thị trường chất thải và sản phẩm tái chế

9. Chương trình xây dựng và áp dụng cơ chế nhãn sinh thái.

3.5. Kết luận Chương 3

Đề xuất xây dựng Chiến lược về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn nhằm thể hiện chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải rắn nói riêng. Vì vậy, việc đề xuất khung dự thảo của Chiến lược với phạm vi thời gian, mục tiêu, các nội dung cơ bản và các giải pháp, tổ chức thực hiện sao cho sát với thực tế, dễ thực hiện và hiệu quả là rất quan trọng.

Trong khuôn khổ nghiên cứu của 1 luận văn mới chỉ bước đầu đề xuất một số nội dung của Chiến lược, việc tiếp tục đầu tư nghiên cứu để hoàn thiện Chiến lược là cần thiết để có thể làm cơ sở tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách xây dựng chính sách quốc gia về 3R cho tất cả các loại chất thải.

KẾT LUẬN

Thời gian qua, với sự phát triển kinh tế, lượng chất thải từ các hoạt động sản xuất, sinh hoạt và dịch vụ đang không ngừng gia tăng. Với sự quản lý chất thải yếu kém, đã xuất hiện một số điểm nóng, bức xúc về môi trường, nơi mà tính độc hại của chất thải đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của nhân dân. Vì vậy việc thực hiện quản lý tổng hợp chất thải, bao gồm các biện pháp giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải là rất quan trọng và cần thiết.

Luận văn mong muốn đạt được một số kết quả chính như sau:

- Đánh giá tổng quan về tình hình phát sinh cũng như thực trạng quản lý chất thải nói chung và chất thải rắn nói riêng ở nước ta, đồng thời đưa ra dự báo về sự gia tăng chất thải. Nhìn chung, việc quản lý chất thải ở nước ta còn yếu kém. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn chưa cao, hầu hết nước thải chưa được xử lý mà thải thẳng ra môi trường.

- Điều tra, nghiên cứu thực trạng giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải ở nước ta. Bức tranh về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải cho thấy, hoạt động giảm thiểu chất thải hầu như chưa có. Việc phân loại tại nguồn đối với chất thải rắn sinh hoạt, là loại chất thải có khối lượng lớn nhất, mới chỉ được thực hiện ở các dự án thí điểm và cũng chưa hứa hẹn một sự thành công về lâu dài vì sự thực hiện không đồng bộ các công đoạn sau khi phân loại. Đối với các cơ sở sản xuất, tỷ lệ cơ sở áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống quản lý môi trường còn quá thấp.

Về hoạt động tái chế chất thải, đây là hoạt động truyền thống, đã được thực hiện khá lâu ở nước ta. Tuy nhiên hoạt động này được thực hiện một cách tự phát bởi khu vực tư nhân và chưa có sự định hướng, điều tiết của nhà nước. Hầu hết các loại chất thải có thể tái chế được thu gom thông qua hệ thống thu mua phi chính thức, chuyên về các cơ sở tái chế ở các làng nghề. Công nghệ tái chế thô sơ, với trang thiết bị chủ yếu là tự chế tạo, không có các bộ phận xử lý chất thải đã và đang gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở một số làng nghề. Đối với chất thải rắn sinh hoạt,

công nghệ sản xuất phân hữu cơ đã được áp dụng ở một số thành phố lớn, song chưa phổ biến, chưa mang lại hiệu quả thiết thực. Các sản phẩm tái chế chưa được sử dụng một cách rộng rãi trong mọi hoạt động của xã hội.

Luận văn đã phân tích, đánh giá những rào cản cũng như cơ hội đối với việc áp dụng chính sách giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải. Các rào cản về cơ chế chính sách, về kỹ thuật, công nghệ, về nhận thức của cộng đồng đã được nêu ra. Các cơ hội lớn đối với công tác giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải chính là sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, tiềm năng to lớn về lượng chất thải có thể tái chế, công nghệ tái chế bắt đầu phát triển và sự hợp tác quốc tế đang ngày càng phát triển. Các biện pháp quản lý (đối với giảm thiểu) và kỹ thuật (đối với tái sử dụng, tái chế) các loại chất thải cũng đã được đề cập một cách tương đối rõ nét.

- Luận văn đã nghiên cứu cơ sở lý luận về giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải thông qua việc đưa ra các khái niệm cụ thể về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải. Kinh nghiệm thực tiễn của một số nước trên thế giới về áp dụng các giải pháp 3R đã được đi sâu nghiên cứu, rút ra nhiều bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng chiến lược. Nghiên cứu đề xuất lĩnh vực trọng tâm và các định hướng ưu tiên, các cơ chế chính sách ưu đãi cũng như mối liên hệ, liên kết trong các hoạt động giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn.

Dựa trên những bài học rút ra từ kinh nghiệm quốc tế, từ những phân tích và đề xuất về lĩnh vực trọng tâm, về mối liên kết, tác giả đã đề xuất xây dựng Chiến lược về giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn ở Việt Nam với các nội dung cụ thể về quan điểm, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và các chương trình cụ thể, đóng góp một phần nhỏ nghiên cứu cho công cuộc và mục tiêu bảo vệ môi trường của Đảng và Chính phủ Việt Nam đã và đang triển khai thực hiện./.